

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 47

Phẩm 5: NÓI VỀ TÙY MIÊN (PHẦN 3)

Như trước đã nói trong sáu tùy miên, do hành có khác mà kiến được chia làm năm. Về tên, trước đã nêu, còn tự thể như thế nào? Tụng nói:

*Ngã, ngã sở, đoạn, thường
Bác không, kém là hơn
Không nhân, đạo vọng nói
Là tự thể năm kiến.*

Luận nói: Do sức giáo có các người ngu, đối với năm thủ uẩn, chấp ngã, ngã sở. Kiến này gọi là Tát-ca-da-kiến. Vì có, nên gọi là Tát, tụ nghĩa là Ca-da, nghĩa là hòa hợp, chứa nhóm, Ca-da tức tát, gọi là Tát-ca-da, nghĩa là thật có, không phải là một. Đây là kiến chấp ngã, nhưng ngã thật ra không có. Chớ cho rằng không có sở duyên mà khởi kiến này, nên đối với cảnh của kiến, được lập dùng tiếng có. Lại e nhân đây chấp có là ngã. Vì ngăn dứt ngã chấp kia, lại lập tiếng thân, nghĩa là chấp ngã, đối với một nối tiếp, hoặc nhiều nối tiếp, chấp có một ngã, ngã này đều không phải thân, vì thân không phải một.

Do kiến như thế duyên với Tát-ca-da, nên gọi là Tát-ca-da kiến, tức là chỉ duyên nơi nghĩa của năm thủ uẩn, như Khế kinh nói: Bí-sô phải biết! Các hữu Bà-la-môn v.v... Sa-môn của thế gian, chấp ngã v.v... Tùy theo quán kiến tất cả, chỉ khởi ở năm thủ uẩn. Do đó, chỉ đối với ngã, ngã sở kiến (chấp ngã sở). Đức Thế Tôn nêu riêng là Tát-ca-da, chớ cho rằng ngã không rồi thừa nhận trí duyên với cảnh không. Hoặc trí duyên có, chấp thể của ngã chẳng phải không có. Nếu không như vậy, thì lẽ ra duyên kiến hữu lậu đều kiến đặt tên Tát-ca-da.

Trong đây, Kinh chủ giải thích như thế này: Vì hoại, nên gọi Tát. Tụ, nghĩa là ca-da, tức là nghĩa uẩn hòa hợp, vô thường.

Ca-da tức Tát, gọi Tát-ca-da. Tát-ca-da này tức năm thủ uẩn. Vì ngăn dứt một tướng thường, nên đặt tên này, tướng ấy phải là trước mới chấp ngã.

Nếu vậy, đâu cần nêu tiếng Tát? Chỉ tiếng Ca-da là đủ ngăn dứt thường, lẽ ra chỉ đặt tên Ca-da kiến.

Không có pháp nào là thường mà có thể nhóm họp đâu dùng tiếng hủy hoại để nêu rõ trên thân, tức về việc đối tượng chấp ngã, ngã sở, chấp đoạn, chấp thường, gọi là biên chấp kiến, vì vọng chấp lấy bên đoạn, bên thường. Ở trong đế khổ v.v... của thể thật có, khởi kiến bác bỏ cho là không có, gọi là tà kiến. Năm thứ vọng kiến, đều chuyển diên đảo, lẽ ra đều gọi là tà, mà chỉ bác bỏ không có, gọi là tà kiến, vì lỗi quá nặng. Như ngửi mùi tởm, chấp nghiệp ác, đây chỉ tổn giảm nơi tăng ích khác.

Đối với kém, cho là hơn, gọi là kiến thủ. Hữu lậu, gọi thua kém, là đối tượng dứt của Thánh, nên chấp thua kém là vượt hơn, gọi chung là kiến thủ. Về lý, thật ra nên đặt tên kiến đẳng thủ, lược bỏ đẳng chỉ gọi kiến thủ. Hoặc vì kiến mạnh hơn, nên chỉ nêu tên kiến. Vì dùng kiến làm đầu chấp lấy pháp khác, nên đối với không phải nhân ở Đạo, cho là kiến nhân ở Đạo, tất cả, nói chung, gọi giới cấm thủ, nghĩa là Đại tự tại, thời, tánh. Hoặc sự thật khác, không phải nhân khổ, khởi giả dối chấp nhân.

Đạo có hai thứ:

1. Đạo tăng thượng sinh.
2. Đạo quyết định thù thắng.

Các thứ hạnh tà: như nhả xuống nước, lửa v.v... không phải là nhân sinh lên cõi trời, chấp giả dối làm nhân, gọi là đạo thứ nhất, chỉ vâng giữ tánh giới cấm, sĩ phu, trí v.v... không phải nhân giải thoát, chấp giả dối là nhân, gọi đạo thứ hai, như đời trước v.v... hoặc giới cấm vượt hơn. Thế nên, chỉ đặt tên giới cấm thủ.

Nên biết tự thể của năm kiến như thế. Nếu đối với Tự tại v.v... không phải nhân, chấp là nhân.

Như thế, giới cấm thủ là nghĩa mê nhân.

Vì sao kiến này không phải kiến tập dứt? Tụng nói:

Đối với Đại Tự tại v.v...

Không nhân, vọng chấp nhân

Theo thường ngã đảo sinh

Nên chỉ Kiến khổ đoạn.

Luận nói: Đối với Tự tại v.v... không phải nhân, chấp nhân người

kia sẽ không thể quán sát lý sâu xa, chỉ đối với nghĩa quả thô của các uẩn Tự tại v.v... giả dối cho là thường, nhất, ngã, tác giả. Đây vì là đứng ở đầu chấp làm nhân. Thế nên, đây là chấp kiến khổ dứt, nghĩa là chấp ngã là hữu thân kiến. Đối với nghĩa quả khổ, chấp giả dối làm ngã, nên hiện quán khổ, ngã kiến liên trừ, trí vô ngã sinh, không phải ở vị sau. Nếu hữu thân kiến do kiến tập v.v... dứt ở trong sự nối tiếp nhau, vì ngã kiến theo đuổi, nên trí vô ngã sẽ không được sinh, vì khi kiến chỉ có pháp thì ngã kiến sẽ diệt, nên trí vô ngã khởi, ngã kiến đã trừ. Nhưng hữu thân kiến ở trong pháp nối tiếp nhau tự tại v.v... chấp một Ngã rồi, kể là trên các pháp của Ngã nối tiếp kia khởi chấp nghiêng lệch, so sánh phân biệt là thường. Do đó, nên biết đối với pháp tự tại v.v... hai chấp thường, ngã, vì chỉ đối tượng dứt của kiến khổ, nên có bài tụng nói:

*Chưa thấy khổ như thật
Nên thấy khổ làm ngã
Nếu thấy khổ như thật
Thì không chấp là ngã.*

Do đó, đã chứng tỏ chấp kiến bên diệt, là do tông vô ngã luận chủ trương Kiến đạo đoạn là thuộc về chánh kiến. Luận giả chấp có ngã: Kiến đạo đoạn là biên chấp kiến, nên biết hai kiến đều cùng có kiến khổ dứt. Do các hạnh vô lậu vô thường v.v... khi kiến khổ đế, thì hai kiến đã diệt. Đối với Tự tại v.v... không phải nhân chấp nhân, vì tùy theo hai kiến sinh, cũng đều cùng lúc diệt, nên nói chấp nhân, chỉ kiến khổ dứt. Nhưng ở trong không phải đạo chấp là đạo, nếu trái với Kiến đạo mạnh, thì Kiến đạo đoạn.

Há như chấp tự tại v.v.... làm nhân, chấp khổ làm nhân, chỉ thừa nhận kiến khổ dứt, không phải kiến tập dứt? Như thế, lẽ ra cũng đối với không phải đạo, chấp là đạo, chấp khổ làm đạo, chỉ thừa nhận kiến khổ dứt, chứ không phải Kiến đạo đoạn ư?

Vấn nạn này không đúng, vì đối với kiến khổ đế, vì làm vô thường v.v... không phải đối trị của khổ, nghĩa là nếu chấp có tự tại v.v... làm nhân, thì trước phải chấp làm vô thủ, vô chung v.v... Chấp nhân này chỉ kiến khổ dứt, dùng tướng vô thường v.v... để đối trị, tướng thường v.v... không phải kiến khổ đế. Thời gian vô thường v.v... có thể đối trị chấp không phải đạo vì chấp làm đạo, nên chấp Đạo kia không phải kiến khổ dứt.

Do đó, cũng ngăn dứt đối tượng dứt của kiến tập, vì kiến nhân v.v... không phải đối trị của chấp không phải đạo chấp là đạo kia. Nghĩa

là không phải đối với khi tập kiến nhân v.v... có khả năng đối trị với chấp không phải đạo chấp là đạo, mà phải là khi Kiến đạo v.v... đối với đạo để, mới có khả năng đối trị không phải đạo chấp đạo kia, vì chấp đạo kia phải là Kiến đạo đoạn.

Nếu như vậy, không phải đạo chấp là đạo như thế, về lý, tất nhiên nên chung với kiến, tập, diệt đoạn? Nghĩa là như tà kiến bác bỏ không có chân đạo. Về sau, tức chấp này có thể được thanh tịnh. Giới cấm thủ này thừa nhận Kiến đạo đoạn. Như thế, tà kiến bác bỏ không có tập, diệt. Về sau, cũng chấp làm năng được thanh tịnh.

Hai giới cấm thủ kia lẽ ra kiến, tập, diệt đoạn?

Vấn nạn này không đúng, vì thể không thành, nghĩa là thể của giới cấm thủ có hai:

1. Không phải nhân, chấp là nhân.
2. Không phải đạo, chấp là đạo.

Nếu có tà kiến chấp chê bai tập kia có thể được thanh tịnh, há là kiến này không có công dụng dứt tập thì không nên sinh, vì đều không có lòng tin có nhân.

Lại, vì khổ và tập không có vật thể riêng, nên uẩn tự tại v.v... lẽ ra cũng bị bác bỏ.

Nếu có tà kiến chấp chê bai diệt kia, có thể được thanh tịnh, thì há không phải là kiến này không có công dụng chứng diệt, thì không nên sinh, làm sao bác bỏ không có kiến diệt để, về sau chấp sau diệt, phương tiện diệt chẳng phải không vô ích hay sao?

Như thế, không thành thể giới cấm thủ mà nói nên có. Vì thế, đó không phải vấn nạn.

Không phải vấn nạn là sao?

Vì thể của giới cấm thủ, do Kiến đạo đoạn, lẽ ra cũng không thành, vì đối với bác bỏ không có Kiến đạo để, về sau liền chấp có đạo nên không thành, nghĩa là tà kiến hoặc nghi duyên đạo để.

Nếu bác bỏ, hoặc nghi không có đạo Giải thoát, làm sao chấp đạo này có thể được vĩnh viễn thanh tịnh?

Thể của giới cấm thủ này chẳng phải không thành, vì thừa nhận có tà kiến chê bai đạo, chấp làm chủ thể chứng đạo thanh tịnh mãi mãi.

Do chấp kia là sự hiểu biết đúng như lý, nghĩa là chấp trước kia, cho là uẩn của đạo Giải thoát khác ở trong tâm, sau, chấp không phải tà kiến chê bai chân đạo làm giác như lý. Nói như lý, nghĩa là chấp tà kia cho rằng, bác bỏ nghi đạo chân giải thoát là không điên đảo, vì do như lý, nên chấp làm nhân thanh tịnh. Do đó được thành thể của giới

cấm thủ.

Tâm kia đã là uẩn thì đạo Giải thoát khác, không phải đối tượng dứt của Kiến đạo, sở duyên của giới cấm thủ, vì giới cấm thủ kia chỉ duyên pháp của bộ mình, nên đạo có nhiều loại, về lý không có lỗi.

Do đó, Kinh chủ nói rằng: Nếu tà kiến kia bác bỏ không có đạo Giải thoát chân thật, chấp giả dối có riêng nhân thanh tịnh khác, tức chấp pháp khác có thể được thanh tịnh, không phải tà kiến v.v... Đây là duyên các pháp của Kiến đạo đoạn, về lý cũng không thành, vì họ hoàn toàn chưa hiểu rõ nghĩa của tông của Đối pháp.

Nếu vậy, thể của giới cấm thủ, đối tượng dứt của kiến diệt đế, lẽ ra cũng thành, vì đồng với đạo, nghĩa là có trước dùng xứ, uẩn giải thoát khác ở trong tâm, sau, tà kiến chấp chê bai giải thoát chân thật làm giác như lý, vì do như lý, nên chấp làm nhân thanh tịnh, như trước, nên thành thể của giới cấm thủ. Không có lý như thế. Chấp chung giải thoát là thường, là vắng lặng, chấp chê bai tâm tà kiến kia là nhân thanh tịnh, về lý không thành, nên như chấp thật thể Niết-bàn không phải thật, nghĩa là nếu mong cầu phương tiện giải thoát thì người tà kiến kia nhất định chấp có giải thoát. Các chấp giải thoát quyết định có tất nhiên, nên thừa nhận thể giải thoát kia là thường, vắng lặng. Nếu không thừa nhận như thế, thì không nên mong cầu. Như trong chánh pháp, đối với thể Niết-bàn dù có cho là thật, cho là khác với không phải thật, mà đồng thừa nhận thể là thường, là vắng lặng, nên đối với không phải bác bỏ đều có kiến lỗi lầm như thế. Nếu có dùng uẩn giải thoát khác ở trong tâm, thì tà kiến kia phải chấp chung Niết-bàn là thường, vắng lặng. Do đó, vì không chấp chê bai kiến giải thoát là giải như lý, nên giới cấm thủ, đối tượng dứt của kiến diệt, chắc chắn không có.

Lại, như Đề-bà-đạt-đa mặc dù thừa nhận chung có Niết-bàn là thường, vắng lặng, nhưng lia tám chi, chấp riêng năm pháp làm đạo Giải thoát. Lý mà ngoại đạo chấp, cũng như thế. Thế nên, có đối với tám chi Thánh đạo, có thể chê bai tà kiến, nghĩa là như lý giác, không có chê bai diệt, nghĩa là hiểu biết như lý, do hành tướng, tự thể của giới cấm v.v... khác với Thánh đạo.

Không có, nghĩa là thể tướng, thường, vắng lặng của Niết-bàn. Có nghĩa sai khác. Thế nên, không có diệt đồng nghĩa với đạo.

Có sư khác nói: Có khi chấp đạo, cho là không phải đạo, tà kiến làm đạo giới cấm thủ không nói đây là diệt, đạo kia, nếu chấp ở diệt, cho là không phải diệt tà kiến, nói đây là giới cấm thủ đạo không thành, nghĩa là chấp đạo này vì đã bác bỏ diệt, đạo, chắc chắn không đúng, vì

vừa bác không có. Nếu chấp đây là đạo Niết-bàn khác, thì một thể có hai công năng giải thoát, vì chấp đây là phương tiện của đắc kia.

Lại, không có các pháp, đối tượng dứt của kiến diệt, mà chỉ dùng pháp của bộ khác làm nghĩa sở duyên. Nhưng ngoại đạo kia tất nhiên phải chấp so đo sự khác nhau của khổ khác làm giải thoát.

Nay, cần phải tư duy, lựa chọn không phải đạo chấp là đạo, nghĩa là chấp giới cấm làm nhân giải thoát, hoặc chấp ngã kiến có khả năng chứng giải thoát. Đây là kiến khổ dứt, hay là Kiến đạo đoạn? Nếu chấp cả hai cùng có kiến khổ dứt, thì Kiến đạo đoạn rốt ráo sẽ không có, hoặc nên nói nhân v.v... riêng.

Không phải đạo, chấp là đạo, vì sao hai Kiến đạo đoạn khổ này, đối tượng còn lại, chính là Kiến đạo đoạn? Nếu chấp cả hai đều có Kiến đạo đoạn thì lẽ ra phải nói: Vì sao Kiến đạo đoạn? Khi không phải Kiến đạo, mà có thể biết rõ cảnh kia, hoặc biết rõ tự thể kia, hoặc dứt sở duyên kia, hoặc lý biết khắp kiến lập bị hoại, nghĩa là nếu Kiến đạo đã dứt tùy miên, thì có thể duyên theo đối tượng dứt của kiến khổ làm cảnh, ai ngăn dứt biết khắp kiến lập bị mất hoại?

Như vị hiện quán, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối tượng dứt của kiến khổ, cũng là duyên ràng buộc đối tượng dứt của kiến tập. Mặc dù đã dứt hẳn, nhưng chưa lập biết khắp.

Như thế, cho đến diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối tượng dứt của kiến khổ cũng là duyên ràng buộc đối tượng dứt của Kiến đạo, lẽ ra cũng dứt nhưng vẫn chưa lập biết khắp, không phải đã thừa nhận nên phải nói về nghĩa lý.

Tông ta nói cả hai đều cùng có kiến khổ dứt, như Luận này nói: Có các ngoại đạo khởi kiến như thế, lập luận như thế. Nếu có Bồ-đặc-già-la, sĩ phu, nhận giữ giới bò, giới nai, giới chó bèn được thanh tịnh, giải thoát, xuất ly, siêu việt hẳn các khổ, vui, đến chỗ khổ, vui siêu việt.

Các loại như thế v.v... không phải nhân chấp là nhân, tất cả nên biết là giới cấm thủ đối tượng dứt của kiến khổ, nói rộng như kia.

Đây, lại nhân đâu kiến khổ dứt, chỉ kiến khổ dứt, vì duyên giới v.v... bò, nên chỉ chấp quả thô làm nhân của kiến khổ kia?

Do đó, thuộc bản thân nên ngăn dứt đối tượng vẫn nạn của Kinh chủ, vì mê khổ đế, mà có lỗi thái quá. Duyên hoặc hữu lậu, đều mê khổ, vì không phải tất cả duyên hoặc hữu lậu, đều dùng quả khổ làm sở duyên, sao lại có lỗi thái quá được?

Không phải thừa nhận cả hai đều cùng có kiến khổ dứt, Kiến đạo

đoạn, bèn rút ráo không có.

Không phải đạo chấp là đạo có hai loại:

1. Duyên giới cấm v.v...
2. Duyên thân cận mê đạo.

Duyên giới cấm v.v... tin trái với ngộ đạo, sức của nó không như người duyên thân cận mê đạo.

Duyên giới cấm. Vì hành tướng rất thô, vì theo đuổi không xa, vì ý ưa thích, không bền chắc, ít gia công khổ nhọc, liền đoạn diệt. Duyên thân cận mê đạo, trái với duyên cấm giới này.

Do đó, nên biết, không phải đạo chấp là đạo. Các giới cấm thủ có hai loại khác nhau:

1. Kiến khổ dứt.
2. Kiến đạo đoạn.

Như trước đã nói: Thường ngã, đảo sinh, vì chỉ có hai thứ điên đảo này. Không như vậy, thì điên đảo gồm có bốn thứ:

1. Điên đảo vô thường chấp là thường.
2. Điên đảo đối với các khổ chấp là vui
3. Điên đảo đối với bất tịnh chấp là tịnh
4. Điên đảo đối với vô ngã chấp là ngã.

Bốn điên đảo như thế, thể của chúng thế nào? Tụng nói:

*Tự thể bốn điên đảo
Là từ ba thứ kiến
Chỉ, tìm tòi thêm đảo
Tâm tướng theo sức kiến.*

Luận nói: Từ ba kiến, lập thể bốn điên đảo, nghĩa là trong biên kiến, chỉ nhận lấy thường kiến, dùng làm đảo thường. Trong các kiến thủ, chấp lấy lạc, tịnh làm đảo lạc, tịnh. Trong hữu thân kiến, chỉ nhận lấy ngã kiến để làm đảo ngã.

Như thế, thuyết đã nói là tông của một sư. Nhưng về nghĩa quyết định của Tỳ-bà-sa, được căn cứ ở bộ phân biệt, chỉ hai kiến rười trong mười hai kiến là thể điên đảo, nghĩa là hữu thân kiến, khổ, kiến thủ hoàn toàn. Nhận lấy phần chấp thường trong biên chấp kiến.

Và hành tướng của hai Kiến đạo đoạn, thường, trái nhau, nên có thể nói là hai thể đều khác. Các luận giả chấp ngã, tức chấp ngã ở trời kia có sức tự tại là kiến ngã sở, đây tức ngã kiến, do hai môn chuyển.

Há là các phiền não đều chuyển điên đảo, nên đều là đảo, chứ không phải chỉ bốn thứ? Nếu không như vậy, thì phải kiến lập đảo, vì khác nhau chăng?

Những gì là tướng đảo? Nghĩa là đủ ba nhân. Ba nhân là gì? Vì hoàn toàn đảo: vì tánh tìm tòi, so lường, vì tăng ích giả dối. Nói tiếng tăng, cũng chỉ rõ thể, nói tăng mạnh, không phải phiền não khác có đủ ba nhân này, nghĩa là giới cấm thủ, không phải bị chấp đảo hoàn toàn, mà chấp nhận có công năng lìa dục nhiễm, nên phần ít thời gian riêng được thanh tịnh, Kiến đạo đoạn, tà kiến không phải tăng ích giả dối. Đối với môn của sự hư hoại, vì hai thứ này chuyển biến, kiến thủ của bộ khác vì không phải tăng vượt hơn, nên phiền não khác không phải dẫn đo, tìm tòi. Do đó, điền đảo chỉ bốn không phải khác.

Há là trong kinh nói các điền đảo, gồm có mười hai, như Khế kinh nói: Đối với vô thường, chấp thường, có tâm tướng, kiến đảo, đối với khổ, bất tịnh, vô ngã, cũng như thế. Không như vậy, thì tâm tướng vì không phải tìm tòi, dẫn đo, nên tùy theo sức của kiến đảo, cũng đặt tên đảo, tương ứng với kiến, vì hành tướng đồng. Tuy nhiên, không phải thọ v.v... cũng như tâm tướng, có thể đặt tên đảo, vì có nhân riêng, nghĩa là đối với vô thường v.v... khi khởi kiến chấp thường v.v... tất nhiên do nhận lấy tướng thường v.v... trong cảnh. Chủ thể nhận lấy tướng: Là tướng vì không phải chi khác, nên đặt tên đảo, chẳng phải đối với thọ v.v...

Lại, tuệ đối trị, cũng đặt tên tướng, nghĩa là các hành như vô thường v.v... nói là tướng vô thường v.v... vì tuệ với tướng tiếp cận giúp đỡ nhau, theo nhau mà đặt tên, thọ v.v... không đúng, do sức đối tượng nương tựa có sự tìm tòi đảo tăng, vì nhận lấy tướng cảnh thành, nên tâm gọi đảo, như Khế kinh nói: Tâm dẫn dắt thế gian chìm, nổi ở các chỗ hoặc bực lưu.

Tỳ-bà-sa nói: Chỉ tướng và tâm có thể đặt tên đảo, là thế cực thành, nghĩa là tâm tướng đảo thế gian cực thành, vì thọ v.v... không đúng, nên kinh không nói. Do tâm, tướng này, tùy theo sức trái ngược của kiến, đặt tên điền đảo, chứ không phải ở thọ v.v...

Ở đây, Thượng tọa bộ nói: Vì sao điền đảo chỉ có ba không thêm, không bớt.

Vì chỉ có ngần ấy, nên thành đảo, nghĩa là ba đảo này: Tướng thuộc tướng đảo, thức thuộc tâm đảo, hành thuộc về kiến đảo, không thể nói thọ cũng thuộc về đảo, vì xúc làm nhân sinh ra như phải lãnh thọ.

Há là hành uẩn, lại có pháp tác ý v.v... khác, sao hành uẩn đó không phải đảo? Không đúng, chỉ do điền đảo kia, nên khiến tâm, tướng thấy thành thể điền đảo, nên Khế kinh nói: Có vô lượng pháp ác bất

thiện, tất cả đều do tác ý phi lý làm căn bản khởi, nói rộng cho đến ... Tất cả đều là do tác ý sinh ra xúc làm tập nhân của pháp bất thiện kia. Do đó chứng biết tướng, tướng, kiến đảo, đều là tác ý phi lý, xúc vô minh sinh ra. Vì đảo kia, nên đây thành thể đảo.

Nay, xem thuyết kia nói trước, sau trái nhau. Do đó biết nhất định không phải là nghĩa của Khế kinh. Vì nếu tướng, tâm, kiến đều do từ tác ý v.v... phi lý sinh, điên đảo kia nên thành thể của đảo, thọ cũng từ tác ý phi lý sinh vì sao không phải đảo? Nếu thọ đã từ tác ý v.v... đảo sinh mà không phải điên đảo, thì ba tướng, tâm, kiến không phải thể của đảo, vì chẳng có nhân riêng.

Lại, nói không thể thọ cũng đảo, vì thân nhiếp xúc làm nhân sinh như phải lãnh thọ. Há không phải tướng đảo lẽ ra cũng không thành, vì xúc làm nhân sinh như phải tướng? Do nói tướng v.v... đảo do xúc vô minh sinh ra. Há là xúc làm nhân, như phải lãnh thọ, nên càng có khả năng chứng minh thể của thọ là thuộc về điên đảo, vì thọ cũng được xuất sinh từ xúc vô minh!

Do đó, thuyết kia chỉ có ngần ấy nhân thích hợp thành đảo.

Đảo chỉ có ba không thêm, bớt: Nói thành là vô nghĩa. Lại, nếu vì sức của tác ý phi lý, nên tướng v.v... thành đảo, thì tác ý phi lý lẽ ra cũng là đảo, nhưng vì không hề nói, nên từ lời nói, từ tự chấp mà khởi. Hoặc dù thừa nhận thể của thọ kia là điên đảo, nhưng không nói là thể điên đảo, lẽ ra tướng v.v... cũng không nói là đảo, là trái hại kinh nói tên đảo.

Nếu cho rằng như lòng nhân vì có nhân riêng, nên dù rằng do sức của kiến, các tâm, tâm sở đều có nghĩa đảo, mà kinh chỉ nói tên của tướng tâm đảo, chẳng phải thọ v.v... khác. Tông ta cũng thế, tức do nhân này, cho nên, nhất định không có tướng v.v... không phải đảo, hoặc pháp khác là đảo, lỗi trái với kinh. Điều này cũng phi lý, vì không giống nhau, nghĩa là như tông ta do thế lực của kiến, dù tâm, tâm sở đều có nghĩa đảo, nhưng vì do nhân riêng nên chỉ ở tướng, tâm, đặt tên điên đảo, không phải ở thọ v.v... nhưng nguyên do là kiến mà chánh đặt tên đảo. Như thế, tông của ông do sức của tác ý, khiến tâm, tâm sở đều có nghĩa đảo, nguyên do tác ý mà phải đặt tên đảo.

Lại, như tông của ta: Thể của tướng v.v... không phải đảo, chỉ do sức của kiến giả lập lấy tên đảo, thật ra tên đảo nguyên do ở kiến. Tông của ông, lẽ ra cũng như vậy, do sức của tác ý, tướng v.v... thật sự không phải đảo, mà giả đặt tên đảo, thì tên đảo chân thật được gọi nguyên do tác ý, không nên do thế lực của các pháp không phải đảo khiến cho

pháp không phải đảo khác được gọi là đảo.

Lại, sao không thừa nhận do thế lực tướng, có thể khiến tác ý thành thể điên đảo, phải do thế lực vọng tưởng nhận lấy tướng, mới khởi câu sinh, tác ý phi lý, nên Khế kinh nói: Do thế lực nhận lấy tướng, có thể khiến cho pháp ác bất thiện như tham v.v... sinh.

Lại, Khế kinh nói: Vì tướng đảo loạn, nên tâm nóng bức, không nói tâm nóng bức là vì tác ý phi lý nên sinh. Lại, theo lý, lẽ ra do sức của pháp đảo vượt hơn, khiến cho thể của tâm, tướng cũng được gọi là điên đảo. Về lý, không phải tác ý đảo mạnh hơn tướng v.v..., làm sao chỉ nói do sức của tác ý tướng thành đảo, mà không phải do sức tướng v.v... có khả năng khiến tác ý thành điên đảo ư? Nên thuyết kia nói chỉ dựa vào chấp của mình.

Lại, kinh cũng nói: Dục là gốc các pháp, hoặc nói: Vô minh phiền não là cội rễ. Sao không nói do thế lực kia có thể khiến tướng v.v... cũng thành điên đảo, chỉ nói là điên đảo do tác ý thành. Thế nên, phải biết dựa vào lý Đối pháp, lập thể điên đảo rất thù thắng.

Như thế, các điên đảo làm sao dứt được ư?

Luận sư Chánh lý nói: Chỉ kiến khổ dứt, vì thường điên đảo v.v... chỉ chuyển ở khổ, biết rõ được vô thường v.v... vì duyên khổ sinh, thế không nên về sau khi kiến, tập, diệt, đạo mới bỏ kiến thường, lạc, ngã, tịnh.

Nếu vậy, sẽ trái với chánh lý kinh, luận. Vả lại, trái với kinh, nghĩa là Khế kinh nói: Nếu có các Thánh đệ tử học rộng, thấy biết như thật về khổ Thánh đế, thì cũng như thế, thấy biết như thật về tập, diệt, đạo, Thánh đế, bấy giờ, đệ tử Thánh kia, có tâm tướng vô thường chấp thường, kiến đảo, đều đã dứt hẳn, cho đến nói rộng. Nếu các điên đảo chỉ được dứt do kiến khổ, thì kinh không nên nói: Khi thấy biết như thật đế tập v.v... đều đã dứt hẳn.

Lại, Khế kinh nói: Nếu nghe Như Lai nói về pháp bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo rồi thì sẽ có thể dứt hẳn bốn đảo thường v.v... chứ không phải các điên đảo chỉ kiến khổ dứt. Đức Phật vì dứt trừ điên đảo, nên có thể nói giác ba kiến tập v.v... khác, vì không phải đối trị của kiến khổ.

Lại, Khánh Hỷ bảo Biện Tự Tại nói:

*Do có tướng đảo loạn
Nên tâm ông nóng bức
Xa lìa tướng kia rồi Tham
dứt, tâm vắng lặng.*

Nói trái với luận: Như Luận này nói: Với bốn điền đảo này, các hàng Dự lưu có bao nhiêu thứ đã dứt, bao nhiêu thứ chưa dứt?

Nên nói thế này: Tất cả đã dứt. Nếu bốn điền đảo chỉ kiến khổ dứt, thì tùy tín, hành tùy pháp hành, cũng có người đã dứt. Vì sao chỉ nói Dự lưu đã dứt?

Trái với chánh lý: Chưa lìa dục. Nếu Thánh lìa tướng lạc, tịnh, làm sao khởi dục tham?

Tông ta đối với ba điền đảo, đều không có trái, bỏ, hơn nữa, nay ta nhận thấy nghĩa kinh đầu tiên, nghĩa là nếu Thánh đệ tử đối với bốn Thánh đế, khi được hiện quán, từ thời vô thủy đến nay, đã bốn đảo đã tập đều đã dứt hẳn, không thể do đó, bèn chứng minh bốn đảo, mỗi đảo đều do kiến bốn đế mà dứt.

Trước đã thành lập thân kiến, biên kiến, chỉ kiến khổ, thì dứt thể của thường, ngã, đảo, tức là thuộc về thân kiến, biên kiến. Làm sao kiến tập v.v... mà đoạn thường, ngã đảo?

Nhưng trong kinh này, đối với kiến đế đủ, nói là đã dứt hẳn, thì đâu có gì là trái.

Đối với kinh thứ hai, không có trái bỏ, chẳng phải đấng Bạc-già-phạm nói pháp bốn đế, chỉ vì dứt trừ bốn thứ điền đảo này, đều vì rốt ráo lạng dứt các khổ. Nhưng có người nghe rồi thuận theo sức đối trị, dứt hẳn bốn đảo, thì đâu có gì là trái nhau?

Về lý, thật sự phải như thế. Cho nên, kinh kia nói:

Khi Phật nói pháp này

Vì dứt hết các khổ

Có nghe rồi biết thật,

Không thường, lạc, ngã, tịnh.

Chẳng hải bốn điền đảo thấu nhiếp chung các khổ, nên biết nghĩa kinh kia như ta giải thích.

Lại, kinh kia nói: Nếu các hữu tình bị bốn thứ tướng, tâm, kiến, đảo, loạn đảo tâm mình, thì tâm hữu tình kia đối với các thứ mê loạn, cho đến nói rộng.

Trong đây, có thể nói là do tướng kiến đảo, làm đảo loạn tâm mình, vì tướng ưng tâm, làm sao tâm đảo có thể đảo loạn tâm. Thế nên, kinh kia quán mật ý, không thể như nói chấp vì nhất định căn cứ vào Già-tha đã dẫn. Đối với lý Đối pháp, cũng không có trái bỏ. Vì sao? Vì không phải chúng ta nói dục tham che lấp tướng, không có đảo loạn, mà chỉ nói thế này: Không phải các sự đảo loạn, đều gọi là điền đảo. Vì sao? Vì kiến đảo đều hiện hành, tâm, tướng, đảo loạn, mới gọi đảo.

Nếu các đảo loạn đều trở thành đảo loạn, thì các phiền não lẽ ra đều thành đảo. Các A-la-hán khi đi dạo ở ngã tư đường, do sức đảo loạn của tướng, tâm bèn mê lầm, cảm tướng đảo loạn như thấy sợi dây cho là rắn, nên trong đảo loạn phần ít lập nên đảo. Vì phải là sức mạnh nhất mới đặt tên đảo vì nhân duyên mạnh nhất, như trước đã nói. Cho nên, có tướng nhiễm ở vị hữu học hiện hành, không được gọi tên đảo, đâu có trái bỏ?

Lại, kinh không nói người kia đã làm xong tự tại, nhất định là ở học vị làm chứng không thành. Luận nói Dự lưu đã dứt trừ đảo nghĩa là vì dứt trừ nghi, nên nói như thế này: Chớ cho, các thế gian thấy bậc Dự lưu dùng hoa trang nghiêm thân, lấy hương xông ướp áo, chứa để của cải châu báu, ham vui dâm, ham thích vị, bèn nghi ngờ, đảo vẫn chưa hoàn toàn dứt trừ, vì không nhận biết che lấp tâm nên làm việc này.

Vì trừ sự ngờ vực của thế gian như thế, nên nói bậc Dự lưu các đảo đã trừ, hoặc bậc Dự lưu đã dứt không có phân biệt, tùy tín hành, Tùy tín, pháp hành có dứt, chưa dứt. Vì chứng tỏ nhất định đã dứt đảo, nên nói là Dự lưu. Chánh lý không có trái, như Già-tha đã giải thích. Hoặc lỗi lầm thái quá, nghĩa là sao không nói là các bậc Thánh lẽ ra cũng còn tướng ngã hiện khởi, không phải đối với các ông và đối với chính bản thân, đã lìa tướng hữu tình, tâm có khởi dục tham, không nên tự cho rằng bậc Thánh có tâm tướng ngã đối với chỉ vì có pháp trí đã sinh. Do đó, điền đảo chỉ kiến khổ dứt.

Phân biệt Luận giả nói như thế này: Thường ngã đều có ba: Lạc, tịnh, kiến đảo.

Như thế, tám điền đảo chỉ Kiến đạo đoạn, bốn chung cho, kiến, Tu đạo đoạn, nghĩa là lạc, tịnh, tướng, tâm. Đả phá sự điền đảo này, như trước kia đã giải thích về lý của Già-tha, nên thuyết kia của chỉ dựa vào vọng chấp.

Thượng tọa bộ kia nói: Các vị Dự lưu đã dứt trừ hoàn toàn kiến điền đảo, tâm, tướng đảo có thừa, không phải là tướng với không có thường, lạc, ngã, tịnh, không mất vọng chấp tức phiền não có thể hiện hành, nên kinh An ổn nói rằng: Trong sắc v.v... của ta, không tùy theo chấp ngã, tuy nhiên, trong năm thủ uẩn như thế, vì còn có ngã mạn, ái, tùy miên chưa dứt, nên biết bậc Thánh có tâm tướng ngã, ba thứ thường, lạc, tịnh, so sánh cũng nhất định có.

Thượng tọa bộ ở đây, đã nói trái với ý nghĩa của mình, trái với kinh, trái với lý, không đáng tin.

Nói Thượng tọa bộ kia đã nói trái với ý thú của mình: Vả lại,

Thượng tọa bộ kia tự giải thích trái kinh, khởi nhân rằng: Vì có người ngu về lý thứ lớp Lưu chuyển, Hoàn diệt, muốn cho người ấy hiểu, không có điên đảo, nên nói là kinh này không phải khéo biết khắp lý bốn Thánh đế, vì đối với các sinh tử, đã tạo ra sự phân chia giới hạn, rất ít phiền não chướng vẫn còn thừa, sắp được Niết-bàn, như sắp đến trong lòng bàn tay.

Đủ đức như thế, Bồ-đặc-già-la có thể có ngu về nghĩa lý của thứ lớp: Lưu chuyển, hoàn diệt.

Người khởi điên đảo: Vì Thánh trí soi sáng ở trong thân.

Lại, Thượng tọa bộ kia tự nói trong thể các đảo, hỏi: Kiến đảo, tức kiến gì làm thể? Liền tự đáp: Vả lại, khổ cho là vui, bất tịnh, cho là tịnh, là dùng tà kiến làm thể.

Lại, tự hỏi: Há là tà kiến, bác bỏ không có sự bố thí cho đến nói rộng. Lại, tự đáp: Nếu ở trong sinh tử mà chấp là vui, là tịnh, thì người ấy nhất định bác bỏ không có chánh chí, chánh hạnh của A-la-hán.

Há là lời nói này tức biểu thị bậc Thánh đã có tướng, lạc, tịnh nơi sinh tử. Bậc Thánh ấy nhất định có bác bỏ tướng tà, chánh hạnh, chánh chí của A-la-hán hiện hành.

Nếu cho rằng vì tà kiến của bậc Thánh dứt, nên không có tướng tà, lẽ ra vì kiến đảo của bậc Thánh đã dứt, nên không có tướng điên đảo.

Nói trái với kinh: Nghĩa là Khế kinh nói: Tướng, tâm, kiến, đảo, đều do kiến đế đoạn. Hai kinh chứng minh cho việc này, được dẫn đủ như trước.

Nếu cho tám tướng tâm này điên đảo ở trong vị tu, sau cùng, do thấy biết Thánh đế như thật mới được dứt hẳn, rời ngoài Thánh đế này, không có phương tiện dứt hẳn nào khác, nên thuyết nói ở đây không trái với kinh: Há là kiến đảo, lẽ ra đồng với chấp của vị tu, đồng với tướng, tâm, vì nói kiến đế đoạn?

Nếu cho các kiến có thừa, vì trong kinh ngăn dứt Tu đạo đoạn, chỉ nên nói hai đảo: Tướng và tâm chung với Tu đạo đoạn, kinh khác nói ba: Tâm, tướng và kiến có bốn đảo.

Vì vì sao không thừa nhận khi lìa kiến đảo, thì tâm tướng không phải đảo?

Nếu cho kinh nói bậc Thánh Hữu học, có tướng đảo này, thì vấn đề này, trước kia đã giải thích.

Trước đã giải thích ra sao?

Nghĩa là không phải đảo loạn, đều gọi là điên đảo, hoặc không

phải kinh nói: Biện luân tự tại, thì nhất định ở vị Hữu học.

Nói trái với lý: Vả lại, bậc Thánh Hữu học vì cầu lạc, nên khi cảnh thọ dụng, trong cảnh, dù không có đế lý lạc, tịnh, nhưng vẫn có sự lạc tịnh, vì có khả năng dẫn tưởng, tâm, nên tâm, tưởng, lạc, tịnh, bậc Thánh chấp nhận hiện khởi, đều không có tưởng, tâm thường, ngã trong nhóm các hành thường, ngã, thì sao chấp nhận hiện khởi? Vì đảo lạc, tịnh là được vào có sự sinh, dựa vào không có sự sinh. Hai đảo thường, và ngã, do các lạc thọ là thuộc về thặng nghĩa. Nghĩa này quyết định, như ở sau sẽ nói.

Có một ít phần tịnh trong pháp hữu lậu. Khế kinh nói có ba tịnh nghiệp: Tịnh, giải thoát và cảnh, kinh nói, lạc, tịnh, thật có, vì thế gian cực thành.

Trong nhóm các hành, hoặc sự, hoặc lý, đều không có thực thể của thường, ngã để được, nên người chưa kiến đế, khởi chấp giả dối trong các hành thường, ngã, tưởng, tâm, kiến đảo, cũng dựa vào phần ít trong sự lạc, tịnh vì hoàn toàn chấp là lạc, tịnh của lý thật. Có chấp lạc, tịnh thì tưởng, tâm, kiến đảo sẽ thành.

Người đã kiến đế, do rốt ráo trong nhóm hành, không có sự thường, ngã, nên nhất định cũng không khởi tưởng, tâm thường và ngã. Do đó, nên biết bậc Thánh nối tiếp nhau do hai đảo thường, ngã, quyết định không phải có. Tâm, tưởng lạc tịnh vì dựa vào có sự, nên đối với sự nối tiếp của Thánh cũng được hiện hành.

Có thì được gọi đảo loạn, không có thì gọi điên đảo: Đảo, chỉ mê lý, phân biệt khởi. Nhưng Thượng tọa bộ kia dẫn kinh an ổn, không thể chứng minh Thánh có tâm tưởng thường, ngã, đảo, không thành nghĩa đảo, như trước đã nói.

Như thế, xét rõ lời Thượng tọa bộ đã nói, đối với lý, Thánh giáo, vì đều trái bỏ, nên thuyết mà Thượng tọa bộ đã nói không đáng tin cậy.

Đã nói về tướng khác nhau của tùy miên kiến, xong. Vì pháp khác cũng có tướng sai khác ư?

Cũng có?

Thế nào? Tụng nói:

Bấy, chín mạn từ ba

Đều chung Kiến, Tu đoạn

Thánh như giết trói buộc (triền)

Tu đoạn không hiện hành.

Luận nói: Có người ngu si trước, trong có sự, không phải có sự,

so sánh, cân nhắc mình, người, tâm sinh cao ngạo, gọi là mạn. Do hành chuyển biến khác, được chia làm bảy thứ:

1. Mạn.
2. Quá mạn.
3. Mạn quá mạn.
4. Ngã mạn.
5. Tăng thượng mạn.
6. Ty mạn.
7. Tà mạn.

Trong dòng họ, bạn bè bằng mình, hoặc đối với người khác bằng, yếu hơn, mà cho là mình bằng, là hơn, tỏ cử chỉ cao ngạo, gọi là Mạn. Há là hai thứ này đều cùng chung trong cảnh ngộ, như thật mà chuyển, không nên thành mạn. Thua kém, nói là hơn, bình đẳng, nói bình đẳng, xứng lượng mà biết, đâu có lỗi gì mà gọi là mạn.

Vì đối với việc đáng yêu, tâm sinh nhiễm ái, như thật mà chuyển, làm sao thành tham? Người này, đã ham cầu các việc vừa ý, không có điên đảo, nên không phải phiền não. Tuy nhiên, do tham này, khởi tâm làm cho ô nhiễm, xúc não. Đã thừa nhận thành tham, là tánh phiền não như thế, mặc dù chỗ thật sự hơn, kém sinh ra, mà khiến cho tâm cao, cử, nhiễm, não, gọi là phiền não mạn. Vì về mặt lý đâu có sai lầm gì, nên trước lược thuật mạn.

Trong tướng chung, đã nói rồi.

Có, không cả hai đều chấp nhận khởi mạn. Như đối với xứ, phi xứ, tỏ vẻ phẫn nộ, giận dữ, đều gọi là giận.

Đối với trong bạn bè, dòng họ bằng mình, cho là mình bằng và vượt hơn, gọi là quá mạn.

Đối với trong dòng họ, bạn bè bằng mình, người khác rất hơn mình cho, là mình hơn được gọi mạn quá mạn.

Đối với năm thủ uẩn, chấp ngã, ngã sở, tâm bèn cao cử, gọi là ngã mạn.

Do đó chứng biết, đối với vị có thân kiến, chưa thiếu giảm có thể nói có hai đảo tâm, tướng của ngã, không phải khi thiếu giảm. Đối với đạo, địa chưa chứng đắc, đoạn v.v... trong chứng đắc thù thắng, cho là mình đã chứng đắc, gọi là tăng thượng mạn.

Chưa chứng đắc, nói chứng đắc, nghĩa ấy có gì khác nhau? Vì nghĩa trước đắc, sau đắc không có khác.

Lời nói này chứng tỏ chưa đắc công đức mà nói đắc, đắc lại có đắc thì tông thừa nhận.

Có người tại gia, hoặc xuất gia, đối với người khác có đức Thi-la công xảo, phần nhiều hơn mình, cho là mình kém chút ít, tâm sinh cao cử, gọi là Ty mạn.

Trong đây, tâm cao về mình: Người khác hơn mình nhiều, lại cho mình thua kém chút ít, vì có tăng thêm mình nên cũng nói là cao.

Có sư khác nói: đối với công sức của mình không tin, cho là thua kém, gọi là ty mạn.

Như thế, tức là thua kém, cao cử không thành.

Thế nên, phải biết thuyết trước nói là tốt hơn.

Không có đức cho mình có đức, gọi là tà mạn. Nói không có đức. Nghĩa là các hành vi ác, vì trái với công đức, nên gọi là không có đức, giống như bất thiện ở chỗ kia, trở thành pháp không có đức ở đây, có nghĩa là mình có công đức thù thắng ở đây, vì cậy vào ác, tự cao cử, nên gọi tà mạn.

Nếu cho là không có đức, là ngăn dứt nói có đức thật không có đức mà cho là có, gọi tà mạn, trong biện minh phân biệt tăng thượng và tà mạn, nói là không có chủng tử, gọi tăng thượng mạn, có chủng tử, gọi là tà mạn. Hoặc hoàn toàn tăng ích, gọi tăng thượng mạn, phần ít tăng ích, gọi là tà mạn. Lý khác nhau như thế, nên không thành. Thế nên, phải biết trước nói nghĩa là hơn.

Có thuyết nói: Chỉ trừ ngã, ngã sở kiến, vì ngoài ra tà kiến làm trước mà sinh ra, khiến tâm cao cử gọi là tà mạn.

Có sư khác nói: Trông cậy hoàn toàn sự thật cao cử, gọi mạn, trông cậy một ít sự thật, tâm sinh cao cử, gọi là quá mạn, trông cậy không có sự thật, tâm sinh cao cử gọi là mạn quá mạn.

Đối với năm thủ uẩn, ngã ái làm trước. Trông cậy ngã, cao cử gọi là ngã mạn.

Chứng một ít đức, cho mình đã chứng nhiều, tâm sinh cao cử, gọi tăng thượng mạn. Thâu nhận một ít sự việc, tâm cho là đủ, ỷ lại sinh cao cử, gọi là ty mạn. Thật sự loại xấu xa, thô bỉ tự cho là có đức, tâm sinh cao ngạo gọi là tà mạn. Tuy nhiên, Luận này nói về loại mạn có chín. Loại có nghĩa là phẩm loại, tức sự sai khác của mạn. Chín loại là?

1. Loại ngã thắng mạn.
2. Loại ngã đẳng mạn.
3. Loại ngã liệt mạn.
4. Loại có thắng ngã mạn.
5. Loại có đẳng ngã mạn.
6. Loại có liệt ngã mạn.

7. Loại không có thắng ngã mạn.
8. Loại không có đẳng ngã mạn.
9. Loại không có liệt ngã mạn.

Chín loại này được dựa vào hữu thân kiến khởi ngã vượt hơn, là loại quá mạn. Ta bình đẳng là loại mạn, thua kém là loại ty mạn.

Có người hơn ta là loại ty mạn, có người bằng ta là loại mạn, có kẻ thua ta là loại quá mạn. Không hơn ta là loại mạn. Không bằng ta là loại quá mạn. Không kém hơn ta là loại ty mạn.

Thế nên, chín loại này từ ba mạn sinh ra, nghĩa là mạn, quá mạn và ty mạn. Ba hành kế là có khác, thành ba, ba loại.

Loại không có liệt ngã mạn, cao cử như thế nào thành? Nghĩa là có như đây, đối với ưa thích tự thân mạnh hơn chúng hữu tình. Mặc dù biết bản thân mình rất thấp kém, mà vẫn tự tôn trọng, như người Trình thoại hay Chiên-đồ-la. Dù họ tự biết người đời ai cũng ghét, nhưng với Trình Thoại khi chấp tác, vì tôn trọng thân mình, nên thành cao cử.

Bảy mạn như thế, dứt mạn nào?

Có sư khác nói: Ngã mạn, tà mạn, chỉ Kiến đạo đoạn, số mạn còn lại có ở cả kiến, tu. Về lý, thật ra nên nói bảy điều chung cho cả hai đoạn, nên có thể yên ổn nói như thế này: Trong sắc v.v... của ta, không tùy theo chấp ngã, nhưng trong năm thủ uẩn như thế, có tùy miên ngã mạn, ngã ái chưa dứt trừ, nghĩa là Tu đạo đoạn, khi Thánh chưa dứt, nhất định có thể hiện hành. Việc này không quyết định, nghĩa là có đã dứt tùy miên, mà có thể hiện hành, như đã lìa dục tham, mà tín, khổ, miên, nhãn v.v... có tùy miên dù chưa dứt, mà nhất định không hiện hành, như triền sát v.v... của bậc Thánh chưa lìa dục tham.

Nói triền sát, nghĩa là do triền này phát khởi, nên tư duy cắt đứt mạng sống chúng sinh.

Đẳng, nghĩa là các triền nhận lấy, trộm, dâm, lừa dối không có, hoàn toàn ái, có một phần ái.

Không có gọi pháp nào? là vô thường của ba cõi, đối với tham cầu này gọi là không có ái. Do đó, đã chọn lựa vô thường, vô lậu. Người kia nhất định không phải tham, xử đầy đủ yên ổn.

Có một phần ái. là nguyện sẽ làm Đại Long vương Ái-la-phiệt-noa v.v...

Nói vì làm rõ A-tổ-lạc vương, châu Bắc câu lộ, trời Vô tướng v.v... sát triền này v.v... dù Tu đạo đoạn, nhưng các bậc Thánh nhất định không hiện hành.

Nói Tu đạo đoạn không hiện hành này, thành không có công dụng.

Vì phải nói là bậc Thánh có mà không khởi. Nếu trong thân bậc Thánh có chấp nhận hiện khởi, ngăn dứt nói không khởi, là nói có tác dụng. Không phải trong thân bậc Thánh có Kiến đạo đoạn, chấp nhận có thể hiện khởi mà lại phải ngăn dứt, đã có mà ngăn dứt, đã biết mà Tu đạo đoạn, và nghĩa không hiện hành đầu phiên nói ra

Nếu cho mạn của thuyết trước nói là chung cho kiến, tu thì đừng nói triển sát v.v... cũng chung cho Kiến đạo đoạn, nên nói Tu đạo đoạn.

Cách giải thích này cũng không đúng, vì nói lời nói triển sát v.v... là đã phân biệt Kiến đạo đoạn rồi.

Lại, quán sát cách giải thích sau, về nghĩa đủ có thể biết. Như loại mạn v.v... vì bị tăng do kiến. Do đó, lời nói này chỉ nên ở pháp.

Lại, trong giải thích nói: Các triển ái này, vì tất cả đều duyên Tu đạo đoạn, nên chỉ Tu đạo đoạn, đây không phải là nhân nhất định, vì Kiến đạo đoạn cũng duyên pháp Tu đạo đoạn.

Nếu giải thích rằng: ở đây chỉ bao hàm lời nói, vậy thì nhân này có thể làm chứng nhất định. Há là Kiến đạo đoạn cũng có vô thường không có ái? Vì sao chỉ Tu đạo đoạn?

Thật ra cũng Kiến đạo đoạn. Vả lại, vì thuận theo kinh nói, nghĩa là trong Khế kinh nói có ba ái: Dục ái, hữu ái, và vô hữu ái.

Trong kinh này nói không có ái thủ duyên vô thường của chúng phần đồng làm cảnh, nghĩa là tham cầu dị thực nối tiếp nhau đoạn, như Khế kinh nói: Một loại khổ ép ngặt, nghĩ rằng: Nguyện sau khi tôi chết, đoạn hoại, không có, không bệnh vui thay!

Nay, căn cứ thuyết này nói chỉ Tu đạo đoạn, không phải Kiến đạo đoạn, không có vô hữu ái, như trước đã nói.

Loại mạn, ngã mạn có Tu đạo đoạn, bậc Thánh cũng có, không nói tự thành.

Những loại mạn này, vì sao bậc Thánh cũng có mạn này mà không hiện khởi? Tụng nói:

*Ngã mạn, các loại mạn
Bất thiện trong ác tác
Thánh có mà không khởi
Vì kiến, nghi đã tăng.*

Luận nói: Nói đẳng v.v... là biểu thị các triển như sát v.v... không có ái hoàn toàn, có một phần ái, là vì các bậc Thánh khéo tu Không, vì khéo biết lý tương thuộc của quả nghiệp, nên với những loại mạn v.v..., như ngã mạn, hối này, mặc dù Thánh chưa dứt, nhưng nhất định không

hiện hành.

Lại, vì kiến, nghi thân cận để tăng, kiến, nghi đã dứt nên không hiện hành. Lại loại mạn ngã mạn do có thân kiến tăng, triền như sát v.v... do tà kiến được tăng, các vô hữu ái do Kiến đạo đoạn được tăng có một phần ái, do thường kiến tăng, bất thiện, ác tác do nghi được tăng. Cho nên, trong thân bậc Thánh, dù có chưa dứt, nhưng do chống trái, chiết phục, nên nhất định đều không hiện hành.

